**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**TUẦN 9- TIẾT 9**

**BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học 2023-2024**

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 9**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**I. MỤC TIÊU**

Sau bài kiểm tra này HS:

1. Kiến thức- kĩ năng

a. Kiến thức

+ HS hiểu và trình bày được 1 số đặc điểm dân tộc, dân số nước ta. Nguyên nhân, hậu quả của việc tăng dân số.

+ Trình bày được đặc điểm về việc sử dụng lao động.

+ Trình bày được tình hình phát triển, và phân bố của sản xuất Nông nghiệp, Dịch vụ, Công nghiệp

- HS biết liên hệ được với địa phương

b. Kĩ năng

- Tái hiện và vận dụng kiến thức để giải quyết các câu hỏi

- Kĩ năng vẽ biểu đồ tròn

***2. Định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất HS:***

- Các phẩm chất**:** Yêu gia đình, quê hương, đất nước...

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, làm bài kiểm tra

- Năng lưc chuyên biệt: năng lực tính toán bảng số liệu, năng lực phân tích tư duy tổng hợp lãnh thổ, vẽ biểu đồ

**II. KHUNG MA TRẬN ĐỂ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ nhận biết** | | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** |
| **Chủ đề 1**  **Địa lí dân cư (**Thành phần DT, Gia tăng dân số, Lao động việc làm | Nêu được 1 số đặc điểm dân tộc |  | Trình bày được 1 số đặc điểm dân số nước ta. Nguyên nhân, hậu quả | |  |  |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  0,25 đ  2,5% |  | 3  1,5 đ  15% | |  |  |  |  | 4  1,75 đ  17,5% |
| **Chủ đề 2 : Địa lí kinh tế (** Qúa trình PTKT và các ngành KT ) | Trình bày được tình hình phát triển, và phân bố của sản xuất Nông nghiệp, Dịch vụ |  | Thấy được sự chuyển dịch cơ cấu KT là nét đặc trưng của công cuộc đổi mới  Trình bày được tình hình phát triển, thành tựu và phân bố của sản xuất NN,CN | | Hiểu được vai trò quan trọng của ngành dịch vụ |  | Trình bày được tình hình phát triển ngành trồng trọt | -Liên hệ bản thân về việc tham gia dịch vụ |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 4  1,5  15% |  | 7  2,75 đ  27,5% | | ½  0,5đ  5% |  | 1  1 đ  10% | 1/2  0,5 đ  5% | 13  5,75  62,5% |
| Bài tập |  |  |  | |  |  | Xác định được dạng biểu đồ  Vẽ được biểu đồ  Nhận xét |  |  |
|  |  |  |  | |  |  | 1  2đ  20% |  | 1  2đ  20% |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 5  1,75  17,5% |  | 10  4,25 đ  42,5% | | ½  0,5 đ  5% |  | 2  3 đ  30% | 1/2  0,5 đ  5% | 18  10 đ  100% |

**III. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

1. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

***Khoanh vào chữ cái đứng đầu câu em cho là đúng nhất. 6Đ***

**Câu 1: Nét Văn hóa riêng của mỗi dân tộc được thể hiện ở những mặt.**

A. ngôn ngữ, trang phục, phong tục tập quán.

B. kinh nghiệm lao động sản xuất, ngôn ngữ.

C. các nghề truyền thống của mỗi dân tộc,trang phục.

D. ngôn ngữ, trang phục, đia bàn cư trú.

**Câu 2: Dân số đông và tăng nhanh gây ra hậu quả.**

A. Sức ép đối với kinh tế, xã hội và môi trường.

B. Chất lượng cuộc sống của người dân giảm.

C. Hiện tượng ô nhiễm môi trường gia tăng.

D. Tài nguyên ngày càng cạn kiệt, xã hội bất ổn.

**Câu 3: Đặc trưng của quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta là.**

A. Tăng quyền quản lí thị trường của nhà nước.

B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Nền kinh tế nhiều thành phần bị thu hẹp.

D. Mở rộng nền kinh tế đối ngoại.

**Câu 4: Sự giảm tỉ trọng của cây lương thực cho thấy ngành trồng trọt nước ta đang.**

A. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

B. Phát huy thế mạnh nền nông nghiệp nhiệt đới.

C. Tận dụng triệt để tài nguyên đất.

D. Phát triển đa dạng cây trồng.

**Câu 5: Rừng phòng hộ có chức năng.**

A. Phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

B. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, bảo vệ môi trường.

C. Bảo vệ hệ sinh thái, chống xói mòn đất.

D. Bảo vệ các giống loài quý hiếm, phòng chống thiên tai.

**Câu 6: Nguyên nhân quan trọng làm cho cơ cấu công nghiệp nước ta thay đổi là.**

A. Sự phân bố của tài nguyên thiên nhiên.

B. Sức ép thị trường trong và ngoài nước.

C. Sự phát triển và phân bố của dân cư.

D. Tay nghề lao động ngày càng được nâng cao.

**Câu 7: Cơ cấu mùa vụ lúa nước ta thay đổi vì.**

A. Có nhiều loại phân bón mới.

B. Thời tiết thay đổi thất thường.

C. Lai tạo được nhiều giống lúa mới.

D. Nhiều đất phù sa màu mỡ.

**Câu 8: Để tăng cường sức cạnh tranh sản phẩm cây công nghiệp trên thị truờng thế giới nhà nước ta cần trú trọng.**

A. Nâng cao năng lực các cơ sở chế biến, tạo ra chất lượng sản phẩm cao.

B. Tăng cường các giống cây trồng cho năng suất cao.

C. Đổi mới mẫu mã, tạo ra chất luợng sản phẩm cao.

D. Hoàn thiện công nghệ chế biến, đầu tư máy móc hiện đại.

**Câu 9: Nước ta có dân số đông, việc đẩy mạnh sản xuất lương thực - thực phẩm sẽ có ý nghĩa quan trọng nhất.**

A. Đảm bảo an ninh lương thực

B. Thúc đẩy công nghiệp hóa.

C. Đa dạng hóa các sản phẩm trong nông nghiệp.

D. Tạo nguồn hàng xuất khẩu.

**Câu 10: Trong giai đoạn hiện nay, chính sách phát triển công nghiệp có vai trò quan trọng nhất là.**

A. Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước

B. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

C. Gắn liền với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần.

D. Đổi mới cơ chế quản lí và chính sách kinh tế đối ngoại.

**Câu 11: Để chiếm lĩnh đuợc thị trường, các sản phẩm công nghiệp nước ta cần.**

A. Tăng cường các hình thức quảng bá sản phẩm.

B. Thay đổi các thiết bị máy móc sản xuất mới.

C. Hạn chế các mặt hàng ngoại nhập.

D. Thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm

**Câu 12: Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành nội dung sau ( 1đ)**

Một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta đã được hình thành, đó là những ngành chiểm (1) …………………………..... trong giá trị sản phẩm công nghiệp, được phát triển dựa trên thế mạnh về ( 2) ………………………………. (3) ………………………………….. dồi dào nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và tạo ra nguồn hàng (4) ………………... chủ lực.

**Câu 13 Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành nội dung sau (1đ)**

Từ cuối những năm 50 của thế kỉ XX, nước ta bắt đầu có hiện tượng ( 1) ……………………… Nhờ thực hiện tốt (2) ……………………….. dân số, kế hoạch hóa gia đình nên tỉ lệ gia tăng (3)…………………….. của dân số có xu hướng (4) …………………..

**Câu 14: Sắp xếp các câu trong cột A với cột B sao cho sao cho đúng và ghi vào cột C (0,75đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** | **Cột C** |
| **1.** Dịch vụ sản xuất  **2**. Dịch vụ công cộng  **3**. dịch vụ tiêu dùng | **a**. Khoa học công nghệ, giáo dục y tế, văn hóa, thể thao, quản lí nhà nước, đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc  **b**. Giao thông vận tải, khách sạn đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc  **c**. Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ cá nhân và công cộng  **d**. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng, kinh doanh tài sản, tư vấn | **1 + …..**  **2 + …..**  **3 + …..** |

**Câu 15 : Quan sát bảng số liệu** **Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của nước ta (%)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Năm* | *Tổng* | *Nông-lâm-thủy sản* | *Công nghiệp và xây dựng* | *Dịch vụ* |
| 1990 | 100,0 | 38,7 | 22,7 | 38,6 |
| 2005 | 100,0 | 20,9 | 41,0 | 38,1 |

**Dựa vào bảng số liệu trên**, **dạng biểu đồ cần vẽ thích hợp nhất là**.( 0,5 đ )

A. Biểu đồ miền.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ tròn

**B. TỰ LUẬN 4đ**

**Câu 16 ( 1 đ ) :** Nêu đặc điểm ngành trồng trọt nước ta ?

**Câu 17**. **(1điểm)** Ngành dich vụ có vai trò gì trong đời sống con người? Hàng ngày, gia đình em tham gia những hoạt động dịch vụ nào?

**Câu 18. ( 2 điểm)**:

Dựa vào bảng số liệu cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh 2002 ( % )

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nông, lâm, ngư, nghiệp** | **Công nghiệp – xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 100,0 | 1.7 | 46.7 | 51.6 |

1. Vẽ biểu đồ cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 2002
2. Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I**

1. **TRẮC NGHIỆM ( 6 điểm )**

* Mỗi ý đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 15 |
| Đáp án | A | A | B | B | A | B | C | D | A | D | D | D |

**Câu 12 : (**1) Tỉ trọng cao. (2) tài nguyên thiên nhiên.

(3). Nguồn lao động . (4) xuất khẩu

**Câu 13 (**1) bùng nổ dân số. (2) chính sách.

(3) tự nhiên . (4) giảm

**Câu 14**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 nối d | 2 nối a | 3 nối c |

1. **TỰ LUẬN ( 4 điểm )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Câu 16** | \* Đặc điểm ngành trồng trọt  - Phá thế độc canh cây lúa sản xuất nhiều loại cây CN và các cây trồng khác  1. Cây lương thực : gồm lúa, hoa màu …  - Đáp ứng đủ trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài  - Lúa là cây lương thực chính, lai tạo được nhiều giống mới. được trồng ở khắp đất nước ta. 2 vùng trọng điểm lúa lớn là ĐBSH và ĐBSCL  2. Cây công nghiệp  - Có giá trị xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho CN chế biến, phá thế độc canh cây lúa, bảo vệ môi trường  - Gồm có cây CN lâu năm ( cà phê, điều, cao su …. ) Cây CN hàng năm ( lạc , mía , bông …)  3. Cây ăn quả : Đa dạng cây ăn quả được thị trường yêu chuộng : thanh long, vú sữa, soài, vải …  - Vùng trồng nhiều : ĐNB, ĐBSCL | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **Câu 17**  (1điểm) | - Vai trò của dịch vụ  + Vận chuyển nguyên liệu vật tư sản xuất, sản phẩm các ngành kinh tế đến nơi tiêu thụ.  + Tạo mối quan hệ giữa các vùng. Tạo việc làm, nâng cao đời sống, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế.  - Hàng ngày, gia đình em tham gia vào dịch vụ: GTVT, BCVT….(nêu được 4 hoạt động) | 0. 25đ  0.25đ  0.5đ |
| **Câu 18** | - Xác định được dạng biểu đồ  - Vẽ biểu đồ ( yêu cầu vẽ biểu đồ hình tròn, chia tỉ lệ chính xác, đẹp, có chú giải, tên biểu đồ)  - Nhận xét biểu đồ: có dẫn chứng……. | 1,5đ  0,5đ |

*Tây Hưng, ngày 20 tháng 10 năm 2023*

**BAN GIÁM HIỆU KÍ DUYỆTGIÁO VIÊN RA ĐỀ**

***Hoàng Thị Định***

***Vũ Thị Hương Giang***